

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Thái và bà Trần Thế Yên

-Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Kim Thao - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXX - ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự: giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị K, sinh năm 1985.

Bị đơn: Ông La Văn T, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

(Ông T vắng mặt, bà K có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Đỗ Thị K trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với ông La Văn T trên cơ sở tự nguyện,

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái ngày 17-11-2003. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là ông T thường uống rượu say về chửi bới, đánh đập, xúc phạm danh dự của bà. Bà đã cho ông T nhiều lần sửa đổi bản thân nhưng ông T vẫn tiếp tục uống rượu say nên cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, đến nay, bà xác định tình cảm vợ chồng với ông T không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông La Văn T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là La Ngọc A – sinh ngày 05-02-2004 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Cháu La Đức T – sinh ngày 19-01-2008, bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu cho đến khi đủ 18 tuổi, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Quá trình giải quyết vụ án, có lời khai của bị đơn - ông La Văn T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Về thời gian, địa điểm và các điều kiện kết hôn như lời trình bày của bà K là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Do trong cuộc sống có bất quan điểm sống, vợ chồng có cãi chửi nhau. Hai bên đã tự hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay, ông xác định tình cảm vợ chồng với bà K vẫn còn và không nhất trí ly hôn.

- *Về nuôi con chung:* Vợ chồng có 02 con chung như bà K đã trình bày, Đối với cháu A đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T, ông nhất trí giao cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của con chung: Cháu La Đức T có nguyện vọng ở với mẹ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành báo gọi các đương sự để hòa giải nhưng ông T không đến Tòa án nên không hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị K để xử cho bà Đỗ Thị K được ly hôn với ông La Văn T. Về nuôi con chung: Giao cháu La Đức T – sinh ngày 19-01-2008 cho bà Đỗ Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Bà Đỗ Thị K phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Ông La Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Bà Đỗ Thị K và ông La Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Bà K có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đỗ Thị K và ông La Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái ngày 17-11-2003, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà K và ông T đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông T chửi bới bà K, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Mặc dù, ông T không nhất trí ly hôn nhưng ông cũng không tìm ra được biện pháp tích cực nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, đến nay bà K xác định mâu thuẫn không thể khắc phục, bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không muốn hòa giải và để đảm bảo an toàn tính mạng bà đề nghị được ly hôn. Từ đó có căn cứ cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Đỗ Thị K và ông La Văn T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị K là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho bà Đỗ Thị K được ly hôn ông La Văn T.

[3] *Về nuôi con chung:* Bà Đỗ Thị K và ông La Văn T có hai con chung là La Ngọc A – sinh ngày 05-02-2004 và La Đức T – sinh ngày 19-01-2008. Hiện

nay con chung La Ngọc A đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con chung La Đức T, bà K và ông T đều có nguyện vọng giao cháu cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng, xét yêu cầu của bà K và ông T đều phù hợp với thực tế và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản và nợ chung: Bà K và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về quá trình thụ lý, giải quyết của Thẩm phán, thư ký, của Hội đồng xét xử, của người tham gia tố tụng tại phiên tòa và quan điểm giải quyết nội dung vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bà Đỗ Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị K được ly hôn ông La Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là La Đức T – sinh ngày 19-01-2008 cho bà Đỗ Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Đỗ Thị K phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số: 0001716 ngày 23-6-2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (xác nhận bà K đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THADS huyện Yên Bình;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thị Thanh Nga